**HS hoàn thành đề khảo sát dưới đây. GV sẽ kiểm tra và chấm lấy điểm 15 phút khi các con quay trở lại trường đi học.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường THCS Dương Hà | **ĐỀ THI KHẢO SÁT VÀO 10- MÔN: ĐỊA** Thời gian làm bài: 60 |  |

Đề 1. **(gồm 03 trang) (khoanh vào đầu chữ cái của ý trả lời đúng )**

Câu 1. Vùng Tây Nguyên có dạng địa hình nào chiếm ưu thế là

1. đồng bằng châu thổ. C. núi cao hiểm trở.
2. cao nguyên badan xếp tầng. D. đồng bằng ven biển.

Câu 2. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ **không** có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

1. Chế biến thủy sản. C. Chăn nuôi bò.
2. Đánh bắt thủy sản. D. Trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 3. Đặc điểm địa hình của đồng bằng sông Cửu Long là

1. bề mặt bị chia cắt mạnh do hệ thống đê bao.
2. bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
3. có các cồn cát, đầm phá và đồng bằng bồi tụ.
4. nhiều vùng bị ngập úng sâu vào mùa lũ.

Câu 4. Dân tộc Kinh (Việt) tập trung đông đúc ở đâu?

1. Miền núi. C. Đồng bằng.
2. Cao nguyên. D. Hải đảo.

Câu 5. ở nước ta hiện nay, tỉ lệ lao động tại thành thị có xu hướng ngày càng tăng cho thấy

1. các hoạt động nông nghiệp ít được đầu tư.
2. chất lượng lao động ngày một tăng lên.
3. lao động nông thôn hạn chế về trình độ chuyên môn.
4. quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng.

Câu 6. ý nào sau đây thể hiện đặc điểm nguồn lao động nước ta?

1. Năng suất lao động cao.
2. Trình độ chuyên môn còn thấp.
3. Có kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.
4. Tỉ lệ lao động ở nông thôn thấp so với thành thị.

Câu 7. Biện pháp nào sau đây không giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta?

1. Giảm tỉ lệ sinh.
2. Phân bố lại dân cư.
3. Xuất khẩu lao động ra nước ngoài.
4. Thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo.

Câu 8. Công nghiệp thủy điện phát triển dựa trên nguồn năng lượng, nhiên liệu là

1. dầu mỏ. C. sức nước.
2. than đá. D. khí tự nhiên.

Câu 9. Khi nền kinh tế càng phát triển thì các hoạt động dịch vụ càng

1. chất lượng. B. đơn giản.
2. đa dạng. D. kém chất lượng.

Câu 10. Các vườn quốc gia và khu dự trữ thiên nhiên thuộc loại rừng nào sau đây ?

1. Rừng sản xuất. C. Rừng đặc dụng.
2. Rừng đầu nguồn. D. Rừng phòng hộ.

Câu 11. Ngành công nghiệp dệt may ở nước ta có ưu thế phát triển chủ yếu do có

1. cơ sở hạ tầng tốt. C. nhà nước đầu tư.
2. nguồn lao động rẻ. D. thị trường trong nước lớn.

Câu 12. Ngành bưu chính viễn thông **không** có vai trò nào sau đây?

1. Hội nhập với nền kinh tế thế giới.
2. Thống nhất thị trường trong nước.
3. Tạo mối liện hệ kinh tế trong nước.
4. Góp phần đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu khiến cơ cấu cây trồng ở nước ta đa dạng là do

1. khí hậu phân hóa đa dạng.
2. có nhiều kiểu dạng địa hình.
3. diện tích đất nông nghiệp rộng.
4. hệ thống thủy lợi được đầu tư.

Câu 14. Cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều ở cả vùng Tây Nguyên và vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

1. Điều. B. Tiêu. C. Quế. D. Chè.

Câu 15. Cây cao su được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ nhờ nhân tố tự nhiên nào?

1. Địa hình cao, đất Badan chiếm diện tích lớn.
2. Địa hình thoải, diện tích đất badan, đất xám khá lớn.
3. Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh ăn sâu vào đất liền.
4. Địa hình đồng bằng thấp, khí hậu nóng ẩm quanh năm.

Câu 16. Ý nào sau đây **không** thể hiện đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của Đông Nam Bộ?

1. Có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn.
2. Gồm nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.
3. Hình thành một số ngành công nghiệp công nghệ cao.
4. Chiếm tỉ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu kinh tế toàn vùng.

Câu 17. Vùng Tây Nguyên **không** có điều kiện để phát triển loại hình du lịch nào sau đây?

1. Du lịch sinh thái. C. Du lịch văn hóa.
2. Du lịch biển đảo. D. Du lịch nghiên cứu.

Câu 18. Ngành công nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất trong cơ cấu công nghiệp của vùng Đồng bằng song Cửu Long là

1. sản xuất vật liệu xây dựng. C. cơ khí nông nhiệp.
2. sản xuất hàng tiêu dùng. D. chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 19. Yếu tố tự nhiên nào sau đây là điều kiện thuận lợi để vùng Đồng bằng sông Hồng có thể đưa vụ đông thành vụ chính trong sản xuất nông nghiệp?

1. Địa hình. C. Khí hậu.
2. Đất đai. D. Nguồn nước.

Câu 20. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 22, trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm Hà Nội thuộc mức nào sau đâu?

1. Lớn. B. Vừa. C. Nhỏ. D. Rất lớn.

Câu 21. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

1. Đông Nam Bộ. C. Đồng bằng sông Hồng.
2. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Cho bảng số liệu: số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta giai đoạn 2000- 2014

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | 2000 | 2005 | 2010 | 2014 |
| Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%) | 1.5 | 1.33 | 1.03 | 1.03 |
| Số dân (triệu người) | 77.6 | 82.4 | 86.9 | 90.7 |

(dùng cho câu 22 đến 24)

Câu 22. Nhận định nào sau đây đúng về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và số dân nước ta giai đoạn 2000- 2014?

1. Dân số nước ta giảm qua các năm.
2. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên tăng nhanh.
3. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên và dân số không ngừng tăng.
4. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm, số dân vẫn tăng.

Câu 23. Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và số dân nước ta giai đoạn 2000 – 2014?

1. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ miền.
2. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 24. Từ năm 2000 đến năm 2014 trung bình mỗi năm nước ta tăng

1. 0.9 triệu dân. C. 1 triệu dân.
2. hơn 1 triệu dân. D. gần 2 triệu dân.

Câu 25. Điều kiện nào sau đây không làm cho Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trở thành các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước?

1. Vị trí đều nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
2. Đây là hai trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta.
3. Có lịch sử phát triển thương mại, dịch vụ sớm nhất nước ta.
4. Tốc độ tăng trưởng thương mại cao, hoạt động thương mại đa dạng.

Câu 26. Sản xuất nông nghiệp ở nước ta có sự phân hóa mùa vụ là do tác động của yếu tố

A. đất đai. B. khí hậu. C. địa hình. D. nguồn nước.

Câu 27. Nhân tố nào sau đây **không** có tác động đến sự phát triển ngành dịch vụ?

A. Dân số đông và nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao.

B. Phát triển nền kinh tế thị trường, mở cửa nền kinh tế.

C. Đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. Chất lượng dịch vụ cao và các loại hình dịch vụ đa dạng.

Câu 28. Ngành ngoại thương **không** có vai trò nào sau đây?

A. Giải quyết đầu ra cho sản xuất, mở rộng sản xuất.

B. Giải quyết việc làm, đổi mới công nghệ sản xuất.

C. Thu ngoại tệ và cải thiện đời sống nhân dân.

D. Thị trường châu Âu và Bắc Mĩ được mở rộng.

Câu 29. Những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động của vùng Đông Nam Bộ là

A. khai thác nhiên liệu, điện.

C. cơ khí- điện tử, hóa chất.

B. vật liệu xây dựng, dệt may.

D. dệt may, chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 30. Vùng gò đồi phía Tây của Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại cây trồng nào sau đây?

1. Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm
2. Cây ăn quả, cây công nghiệp hang năm.
3. Cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm.
4. Cây công nghiệp hang năm và lâu năm.

Câu 31: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô là

A. thủy triều tác động mạnh.

B. diện tích đất mặn và phèn lớn.

C. khí hậu, thời tiết diễn biến thất thường.

D. thiếu nước ngọt và hiện tượng xâm nhập mặn.

Câu 32: Biện pháp nào sau đây **không** đúng về sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

A. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

B. Tạo ra các giống lúa chịu được phèn, mặn.

C. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.

D. Phát triển thủy lợi, khai thác hiệu quả nguồn nước ngầm.

Câu 33: Vùng gò đồi ở Bắc Trung Bộ **không** thuận lợi cho phát triển

A. cây ăn quả. C. cây lương thực.

B. cây công nghiệp lâu năm. D. chăn nuôi gia súc (trâu, bò).

Câu 34: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

1. giống mới. C. thủy lợi.
2. phòng chống sâu bệnh. D. bảo vệ rừng đầu nguồn.

Câu 35. Quần đảo Trường Sa thuộc

A. tỉnh Khánh Hoà. C. tỉnh Quảng Ngãi.

B. tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. D. thành phố Đà Nẵng.

Câu 36: Các nhà máy thủy điện ở Đông Nam Bộ hiện nay là

A. Trị An, Yaly, Phú Mĩ. C. Trị An, Cần Đơn, Thác Mơ.

B. Cần Đơn, Đa Nhim, Uông Bí. D. Thác Mơ, Vĩnh Sơn, Phả Lại.

Câu 37. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp nước ta hiện nay, ngành có tỉ trọng xu hướng tăng mạnh là

A. trồng trọt. C. dịch vụ nông nghiệp.

B. chăn nuôi. D. cả trồng trọt và chăn nuôi..

Câu 38: Khu vực có mật độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước hiện nay là

A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 39: Quốc lộ 1 (1A) của nước ta bắt đầu từ

A. Hà Nội đến Cà Mau. B. Lạng Sơn đến Cà Mau.

C. Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh. D. Lạng Sơn đến TP. Hồ Chí Minh.

Câu 40: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây ?

A. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

B. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

C. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

D. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Duyệt đề*****Ngày ….. tháng …. năm….*** |  | **Giáo viên****Nguyễn Thị Dụ** |